

Số: 435 /NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời các đơn vị/ Quý công ty trong Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực tham gia chào giá cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV;
- Tên đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị PCCC phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2027
- Số hiệu đơn hàng: 01-MSVT-NĐND- 2027
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời chào giá: Từ thời điểm Hồ sơ mời chào giá được đăng tải trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 10 năm 2026;
- Địa điểm phát hành Hồ sơ mời chào giá: Hồ sơ được phát hành miễn phí tại Mục: Thông tin đấu thầu trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) hoặc tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Địa điểm nhận Hồ sơ chào giá: Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 10 giờ 00 phút, ngày 12/10/2026;
- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 10 năm 2026 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp hồ sơ chào giá tới tham dự lễ mở hồ sơ chào giá vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng.

Nơi nhận: 

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Anh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị PCCC phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2027

Số hiệu đơn hàng: 01-MSVT-NĐND- 2027

Phát hành ngày: 01/01/2026

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV
GIÁM ĐỐC

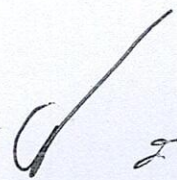
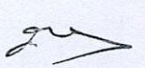


Phạm Đức Tuyên

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Từ/cụm từ	Giải nghĩa
ĐLTKV	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP
Bên mời chào giá	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSCG	Hồ sơ chào giá
VND	Đồng Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá

2970
ÔNG
HIỆT
ƯƠNG
HÀ
LỰC
CTCP
G-1

Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV.
2. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp tham gia chào giá mua sắm vật tư trong ngành theo Đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị PCCC phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2027- Số hiệu đơn hàng: 01-MSVT-NĐND- 2027.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2027.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có), v.v...
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).
3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:
 - Bản giới thiệu về nhà cung cấp;
 - Báo cáo tài chính năm 2025 (bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 hoặc báo cáo tài chính năm 2025 nộp cho cơ quan thuế qua mạng kèm theo xác nhận của cơ quan thuế về việc đã nộp báo cáo tài chính), trong đó doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2025 tối thiểu là: **780.000.000 VNĐ** và giá trị tài sản ròng năm 2025 của NCC > 0;
 - Yêu cầu về hợp đồng tương tự: Hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá. Trong đó hợp đồng tương tự là:
 - + Có tính chất tương tự: hợp đồng cung cấp vật tư hàng hóa cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng có bao gồm cả phần dịch vụ thì chỉ được xem xét phần giá trị hàng hóa mà nhà cung cấp đã thực hiện trong hợp đồng đó).
 - + Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **260.000.000** đồng.
 - + Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hoá không phải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hoá giữa các đơn vị kinh doanh thương mại) thì nhà cung cấp phải cung cấp tối thiểu 02 hợp đồng đáp ứng yêu cầu về quy mô (giá trị) tối thiểu theo quy định. Nhà cung cấp chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý đối với các thông tin, tính xác thực của các hợp đồng đã hoàn thành được kê khai.

34-0
TỶ
ỆN
TKV
CỘNG
TKV
LẠY

(Nhà cung cấp phải nộp bản gốc hoặc bản sao của hợp đồng và một trong các tài liệu sau đây để chứng minh hợp đồng đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (đã nghiệm thu $\geq 80\%$ giá trị): hóa đơn (kèm theo bảng tổng hợp giá trị hoàn thành), biên bản nghiệm thu hàng hoá, biên bản thanh lý hợp đồng....)

4. Bên mời chào giá có thể chấp nhận nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a) Giá chào:

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

b) Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c) Nhà cung cấp có thể chào cho một, một phần hoặc toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc giao hàng (nếu có).

b) Thời gian giao hàng: Không quá thời gian được quy định tại Mục 2. Tiến độ cung cấp, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng.

3. Thanh toán:

a) Tạm ứng: Không

b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên Bán bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của hợp đồng. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán.*

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán do Bên bán phát hành;

- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).
- Bảo lãnh bảo hành (Nếu có).

4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá, bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: không thấp hơn **7.500.000** đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn).

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá là 90 ngày kể từ

ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Trường hợp Nhà cung cấp nộp bảo đảm dự chào giá bằng hình thức chuyển khoản, nội dung cụ thể như sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV

Số tài khoản: 351 000 7744 Tại Ngân hàng BIDV tỉnh Lạng Sơn

Nội dung: Nộp bảo đảm tham gia chào giá đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị PCCC phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2027- Số hiệu đơn hàng: 01-MSVT-NĐND- 2027.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng,... theo Mẫu số 03, Chương III - Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II của đơn hàng, bao gồm các tài liệu chứng minh về nguồn gốc xuất xứ, chất lượng theo Mẫu số 04, Chương III - Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III - Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) bằng hình thức chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp không muộn hơn **10 giờ 00 phút, ngày 12. tháng 10 năm 2026**. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp Hồ sơ chào giá phải xuất trình giấy giới thiệu của nhà cung cấp cử đi nộp Hồ sơ chào giá và chứng minh nhân dân/căn cước công dân/căn cước của bản thân.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) vào hồi 10 giờ 30 phút, **ngày 12. tháng 10 năm 2026**. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, cụ thể:

a) Hồ sơ chào giá có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu quy định tại Mục 6, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

b) Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

c) Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tư cách pháp nhân được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Mục 3, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

334-00
TỶ
HIỆN
3-TKV
3 CÔNG
TKV
3
LÀNG

d) Có đơn chào hàng được đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được uỷ quyền) của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

e) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng giá chào của hàng hóa, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá; Giá chào phải tuân thủ các Khoản 1, Mục 4, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

f) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá.

Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật. Hồ sơ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	Quy cách, đặc tính kỹ thuật của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá	Có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
2	Nguồn gốc, xuất xứ của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá <i>(chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được quy cách, đặc tính kỹ thuật)</i>	Hàng hoá chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ	Hàng hoá chào không thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ
3	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của phương án cung cấp vận chuyển hàng hoá	Có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp	Không có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp



Handwritten signature and initials.

Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
4	Bảo hành	Có thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có thời gian bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
5	Địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa (chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng quy cách, đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ)	Có đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá	Không đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá
6	Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng	Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu	Không có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu

4. Đánh giá về giá:

Đối với các Hồ sơ chào giá được đánh giá hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì sẽ được xem xét về giá đối với các hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

- Cách xác định đơn giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng chủng loại hàng hóa tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định đơn giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v...

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp hàng hóa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG;

2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Ghi chú: Mặc dù đã được quy định như trên, để đảm bảo nguồn cung cấp vật tư kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng có nhiều hạng mục hoặc có một hạng mục nhưng số lượng lớn.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

034-001
· TY
ĐIỆN
3-TKV
CÔNG TY
TKV
· LANG

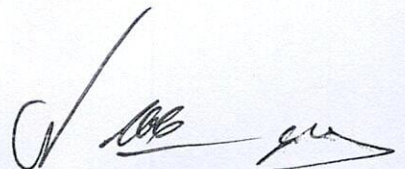
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị PCCC phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2027
- Số hiệu đơn hàng: 01-MSVT-NĐND-2027.
- Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa:

CHỖ ĐÓNG CHỮ
C.T.C.P * No.

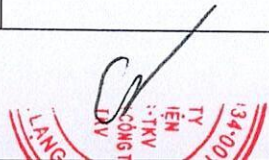


Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chai tạo khói	Chai	24	Mã hiệu: SOLO-A5 hoặc tương đương		≥ 12 tháng	(*)
2	Bình cứu hoả	Cái	20	Bình chữa cháy MFZL4 Dolphin	Chế tạo theo tiêu chuẩn: TCVN 7026:2013 hoặc tương đương Khối lượng chất chữa cháy: $4 \text{ kg} \pm 0,2 \text{ kg}$ Khí đẩy: Khí N_2 tinh khiết. Áp suất làm việc: 1,2 đến 1,4 MPa. Vỏ thép đúc nguyên khối chịu áp lực cao, sơn đỏ; cụm van đồng mủ vệt kèm chốt hãm kẹp chì; loa phun phổ nhựa/cao su cách nhiệt chống bỏng lạnh. có van an toàn, đồng hồ đo áp suất (áp kế)	Cam kết duy trì áp suất và khả năng chữa cháy tối thiểu 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất Hàng hóa thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Hàng được dán Tem kiểm định phương tiện PCCC hợp lệ do cơ quan Công an cấp - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
3	Bình cứu hoả	Cái	12	Bình chữa cháy MFZL8 Dolphin	Chế tạo theo tiêu chuẩn: TCVN 7026:2013 hoặc tương đương Khối lượng chất chữa cháy: $8 \text{ kg} \pm 0,16 \text{ kg}$ Khí đẩy: Khí N_2 tinh khiết. Áp suất làm việc: 1,2 đến 1,4 MPa;	Cam kết duy trì áp suất và khả năng chữa cháy tối thiểu 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà



Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Vỏ thép đúc nguyên khối chịu áp lực cao, sơn đỏ; cụm van đồng mở vít kèm chốt hãm kẹp chì; loa phun phễu nhựa/cao su cách nhiệt chống bỏng lạnh. có van an toàn, đồng hồ đo áp suất (áp kế)		sản xuất Hàng hóa thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Hàng được dán Tem kiểm định phương tiện PCCC hợp lệ do cơ quan Công an cấp - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
4	Bình cứu hoả	Cái	6	bình chữa cháy MT3 Dolphin	Chế tạo theo TCVN 7026:2013 hoặc tương đương. Khối lượng chất chữa cháy CO ₂ : 3 kg ± 0,15 kg; Vỏ thép đúc nguyên khối chịu áp lực cao, sơn đỏ; cụm van đồng mở vít kèm chốt hãm kẹp chì; loa phun phễu nhựa/cao su cách nhiệt chống bỏng lạnh. có van an toàn, đồng hồ đo áp suất (áp kế)	Cam kết duy trì áp suất và khả năng chữa cháy tối thiểu 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất Hàng hóa thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Hàng được dán Tem kiểm định phương tiện PCCC hợp lệ do cơ quan Công an cấp - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							tính hợp pháp của hàng hóa
5	Quả tạo khối	Quả	10	Mã hiệu: HPK 2.5	Thời gian phát khối: $\geq 2 - 3$ phút	≥ 12 tháng	
6	Hộp đựng vòi chữa cháy INOX304 sơn tĩnh điện màu đỏ	Cái	30	KT: (600x500x220mm), dày 1,5mm		Không yêu cầu	
7	Nội quy PCCC	Cái	20	in bạt khung thép hộp, KT: 630x850mm		Không yêu cầu	
8	Nội quy sử dụng điện	Cái	20	in bạt khung thép hộp, KT: 630x850mm		Không yêu cầu	
9	Nội quy CNCH	Cái	20	in bạt khung thép hộp, KT: 630x850mm		Không yêu cầu	
10	Sơ đồ bố trí hệ thống PCCC và lối thoát nạn	Cái	20	in trên nền alu, KT: 297x420mm		Không yêu cầu	
11	Tiêu lệnh	Cái	20	KT: 440 x		Không yêu	



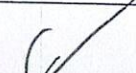
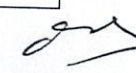
Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	chữa cháy (in trên nền alu)			320mm		cầu	
12	Biên cấm lửa (in trên nền alu)	Chai	24	KT: 150x360mm		Không yêu cầu	
13	Vòi cứu hỏa	Cuộn	25	vòi D50 20m 17bar	Tiêu chuẩn: TCVN 5740:2009 hoặc TCVN 13333:2021 hoặc tương đương. Đường kính trong: D50. Chiều dài cuộn: 20 m $\pm$ 0,5 m. Áp suất làm việc tối thiểu: 1,3 MPa Khớp nối: Khớp nối nhôm theo chuẩn ngoài TCVN 5739:1993, kèm theo hai đầu vòi	≥ 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất Hàng hóa thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Hàng được dán Tem kiểm định phương tiện PCCC hợp lệ do cơ quan Công an cấp - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
14	Vòi cứu hỏa	Cuộn	15	vòi D65 20m 17bar	Áp dụng tiêu chuẩn: TCVN 5740:2009 hoặc TCVN 13333:2021 hoặc tương đương.	≥ 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ);

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Đường kính trong: D65. Chiều dài cuộn: 20 m $\pm$ 0,5 m. Áp suất làm việc tối thiểu: 1,3 MPa Khớp nối: Khớp nối nhôm theo chuẩn ngoài TCVN 5739:1993, kèm theo hai đầu vôi		- Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất Hàng hóa thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Hàng được dán Tem kiểm định phương tiện PCCC hợp lệ do cơ quan Công an cấp - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
15	Lăng phun bằng nhôm	Cái	10	KT: Đường kính khớp nối đầu vào 65mm	Chất liệu: Hợp kim nhôm hoặc đồng thau đúc áp lực. Đường kính đầu vào: Phù hợp với ngàm nối D65 theo TCVN 5739:1993. Có đệm cao su kín nước	≥ 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất Hàng hóa thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Hàng được dán Tem kiểm định phương



[Handwritten signature]

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							tiện PCCC hợp lệ do cơ quan Công an cấp - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
16	Lăng phun bằng nhôm	Cái	10	KT: Đường kính khớp nối đầu vào 50mm	Chất liệu: Hợp kim nhôm hoặc đồng thau đúc áp lực. Đường kính đầu vào: Phù hợp với ngàm nối D50 theo TCVN 5739:1993. Có đệm cao su kín nước	≥ 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất Hàng hóa thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Hàng được dán Tem kiểm định phương tiện PCCC hợp lệ do cơ quan Công an cấp - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
17	Thùng đựng cát chữa cháy	Cái	8	KT 600 x 500 x 400 x 2mm	- Vật liệu: SUS 304 dày 2mm, có 4 bánh xe và nắp đậy, Có gắn tay cầm bên hông - Màu sắc: Sơn tĩnh điện màu đỏ in chữ "PCCC" trên bề mặt	Không yêu cầu	

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
18	Xăng chữa cháy sơn màu đỏ	Cái	8	Quy cách: cán gỗ sơn màu đỏ dài 1,2m		Không yêu cầu	
19	Găng tay cách điện 6 kV-10kV	Đôi	1	Găng tay cách điện 6 kV-10kV		≥ 03 tháng	hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động đề nghị nhà cung cấp chào giá hàng hoá đã bao gồm đầy đủ tem hoặc giấy kiểm định an toàn thiết bị điện (nhà cung cấp chào rõ các giấy tờ cung cấp kèm theo)
20	Ủng cách điện 22kV (35kV)	Đôi	1	Ủng cách điện 22kV (35kV)		≥ 03 tháng	hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động đề nghị nhà cung cấp chào giá hàng hoá đã bao gồm đầy đủ tem hoặc giấy kiểm định an toàn thiết bị điện (nhà cung cấp chào rõ các giấy tờ cung cấp kèm theo)
21	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	4	Găng tay cách điện hạ thế		≥ 03 tháng	hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động đề nghị nhà cung cấp chào giá hàng hoá đã bao gồm đầy đủ tem hoặc giấy kiểm định an toàn thiết bị điện (nhà cung cấp chào rõ các giấy tờ cung cấp kèm theo)

(*) Trường hợp nhà cung cấp đề xuất cung cấp hàng hóa khác hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột “Quy cách, đặc tính kỹ thuật” thì nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật, bản vẽ của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp (catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu



Handwritten signatures and marks.

được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ) với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột "Quy cách, đặc tính kỹ thuật" (kèm theo bảng so sánh các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà cung cấp đề xuất cung cấp với hàng hóa được bên mời cung cấp chỉ dẫn tại cột "Quy cách, đặc tính kỹ thuật" để chứng minh sự tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật).

(Trường hợp nhà cung cấp không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi bên mời nhà cung cấp yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà cung cấp đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật) và sẽ không được xem xét về giá đối với hàng hóa đó.

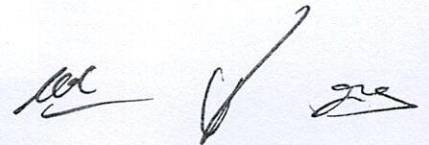
Hàng hóa cung cấp phải mới 100%, chưa qua sử dụng, có năm sản xuất từ năm 2026 trở lại đây. Hàng hóa phải được sản xuất phù hợp theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương trở lên.

Mục 2. Tiến độ cung cấp

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chai tạo khói	Chai	24	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
2	Bình cứu hoả	Cái	20	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
3	Bình cứu hoả	Cái	12	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
4	Bình cứu hoả	Cái	6	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
5	Quả tạo khói	Quả	10	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
6	Hộp đựng vòi chữa cháy INOX304 sơn tĩnh điện màu đỏ	Cái	30	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
7	Nội quy PCCC	Cái	20	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
8	Nội quy sử dụng điện	Cái	20	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
9	Nội quy CNCH	Cái	20	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
10	Sơ đồ bố trí hệ thống PCCC và lối thoát nạn	Cái	20	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
11	Tiêu lệnh chữa cháy (in trên nền alu)	Cái	20	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
12	Biển cấm lửa (in trên nền alu)	Chai	24	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Vòi cứu hỏa	Cuộn	25	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
14	Vòi cứu hỏa	Cuộn	15	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
15	Lăng phun bằng nhôm	Cái	10	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
16	Lăng phun bằng nhôm	Cái	10	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
17	Thùng đựng cát chữa cháy	Cái	8	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
18	Xẻng chữa cháy sơn màu đỏ	Cái	8	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
19	Găng tay cách điện 6 kV-10kV	Đôi	1	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
20	Ủng cách điện 22kV (35kV)	Đôi	1	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
21	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	4	30 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

0428
CÔNG
NHIỆT
ĐIỆN
NÀ DƯƠNG
TỈNH LẠNG SƠN
CTO



Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

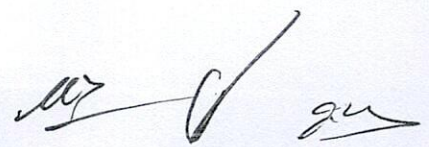
1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian.....ngày, kể từ ngày...
[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]



BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Stt	Danh mục hàng hoá	ĐVT	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nhà sản xuất, xuất xứ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ)	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền sau thuế (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	$(9) = (7) * [1 + (8)/100]$	$(10) = (4) * (9)$
1	Hàng hoá thứ 1								M1
2	Hàng hoá thứ 2								M2
...	...								...
n	Hàng hoá thứ n								Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)									$M = M1 + M2 + \dots + Mn$

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

* Lưu ý:

- Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%. Để đảm bảo công bằng cho tất cả

các nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về giá đối với các hồ sơ chào giá, đề nghị các nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% và công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% thì khi đánh giá về giá đối với hồ sơ chào giá của nhà cung cấp đó, Bên mời chào giá sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá không bao gồm thuế GTGT thì hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

C



CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

b) Khối lượng giao nhận: Giao theo nhu cầu thực tế của Bên mua. Khi có nhu cầu sử dụng vật tư, hàng hóa, Bên mua sẽ có văn bản thông báo cấp hàng cho Bên bán.

c) Phương án cung cấp, vận chuyển vật tư, hàng hóa: Bên bán phải thực hiện công tác vận chuyển, nâng hạ, bốc xếp hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua tại vị trí giao nhận.

2. Thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán:

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

- Bảo lãnh bảo hành (nếu có).

3. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

1042
CƠ
NH
A D
ANH

101 *CS* *qu*

BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của hàng hóa được chào giá.

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
							
n	Hàng hoá thứ n						

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng:

1. Tên hàng và khối lượng: theo nhu cầu của Bên mua; khi có nhu cầu, Bên mua sẽ gửi thông báo cấp hàng cho Bên bán.
2. Nhà sản xuất:
3. Xuất xứ:
4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%.
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: theo Bản kê chi tiết danh mục hàng hóa.

II. Hình thức hợp đồng:

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán:

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
3. Bộ chứng từ thanh toán:
 - Văn bản đề nghị thanh toán;
 - Hóa đơn tài chính;
 - Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
 - Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
 - Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
 - Biên bản quyết toán hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

IV. Giao hàng:

1. Địa điểm giao nhận: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc nâng - hạ hàng tại nơi giao hàng (nếu có).

2. Thời gian giao hàng: thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp: Kiểm đếm trực tiếp.
- Địa điểm xác định khối lượng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác khi có yêu cầu của Bên mua.

4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp: thông qua nhãn mác, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa của Bên bán hoặc thông qua một đơn vị giám định độc lập có chức năng theo yêu cầu của Bên mua.

- Địa điểm xác định chất lượng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng.

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

1. Bên bán phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

VI. Bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: Quy định cụ thể trong hợp đồng

- Hình thức và giá trị bảo đảm bảo hành: bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá hoặc Bên mua sẽ giữ lại 5% giá trị thực hiện hợp đồng.

- Trong thời gian bảo hành, nếu kim đồng hồ áp suất tụt xuống vạch đỏ (đối với bình bột) hoặc bình bị rò rỉ khí/áp suất mà chưa qua sử dụng, Nhà thầu phải có trách nhiệm nạp sạc lại hoặc đổi mới bình khác trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua.

+ Vòi chữa cháy bị rò nước, bục mép dán, tuột khớp nối khi thử áp trong điều kiện áp lực làm việc quy định phải được đổi mới 100% trong vòng 07 ngày làm việc.

- Toàn bộ chi phí vận chuyển phát sinh phục vụ công tác bảo hành do Nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Trường hợp không thể khắc phục sửa chữa thì Bên bán phải thay thế

bằng hàng hóa mới cho Bên mua trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

VII. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Phạt chậm thanh toán: Không áp dụng

b) Phạt chậm giao hàng:

- Bên bán vi phạm về thời gian giao hàng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên mua gây ra, thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày giao hàng chậm, nhưng toàn bộ số tiền phạt chậm không được vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Bên bán vi phạm không thực hiện toàn bộ hoặc không thực hiện một phần của hợp đồng (không giao hoặc giao hàng không đúng số lượng, chủng loại) theo quy định thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

VIII. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

Bên bán có trách nhiệm cung cấp các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về bảo quản hàng hóa trước khi sử dụng và bố trí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn Bên mua trong quá trình sử dụng hàng hóa do Bên bán cung cấp (khi có yêu cầu của Bên mua).

